

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị H và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
2. Ông Nguyễn Hữu Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 7 năm 2022, biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa chị Lê Thị H là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh N có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Chị và anh N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Tổ chức hôn lễ xong chị về sinh sống cùng gia đình anh N tại thôn Đ, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh N thường xuyên rượu chè, cờ bạc, cuộc sống gia đình không được vui vẻ. Việc này hai bên gia đình có biết, can ngăn, động

viên, khuyên giải nhưng không thành. Chị đã dẫn theo con nhỏ về nhà mẹ đẻ chị ở từ tháng 5/2022, từ đó chị và anh N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn XAnh, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2017. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Chị là lao động tự do, thu nhập trung bình từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng, tháng cao điểm có thể từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng, chị đủ điều kiện nuôi con chị trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị H năm 2013. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Sau đám cưới chị H về làm dâu và sinh sống cùng gia đình anh tại thôn Đ, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Việc này hai bên gia đình có biết và động viên khuyên bảo, nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Lê Thị H có 01 con chung là Nguyễn XAnh, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2017, đang ở với chị H. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm việc tự do tại địa phương, thu nhập trung bình từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng, anh đủ điều kiện nuôi con anh trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; về con chung: Giao cháu Nguyễn XAnh, sinh ngày 26/6/2017 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét; về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 14 tháng 01 năm 2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Chị H và anh N sống ly thân đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn, anh N đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh N.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn XAnh, sinh ngày 26/6/2017. Ly hôn chị H và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét cả chị H và anh N đều đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, cháu Nguyễn XAnh hiện đang ở với chị H, vẫn ngoan, phát triển bình thường. Tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu Nguyễn XAnh nên giao cháu cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4.] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị H đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn XAnh, sinh ngày 26/6/2017 cho chị Lê Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom

con chung, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị H đã nộp ngày 11 tháng 7 năm 2022 theo biên lai thu số 0013898, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về kháng cáo:* Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam;
- UBND xã Y, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân